

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2017 đến hết ngày 30/06/2017

Mã chứng khoán: **EVE**

Loại hình: **Báo cáo tài chính công ty mẹ**

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 2-4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5-6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7-8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 9-33 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

| Mã số TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | | 826,731,638,215 | 806,166,992,285 |
| 110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 114,699,219,339 | 78,546,140,339 |
| 111 1. Tiền | | 31,356,219,339 | 48,046,140,339 |
| 112 2. Các khoản tương đương tiền | | 83,343,000,000 | 30,500,000,000 |
| 120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 8,500,000,000 | 73,140,000,000 |
| 123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 8,500,000,000 | 73,140,000,000 |
| 130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 262,940,826,417 | 247,889,820,510 |
| 131 1. Phải thu khách hàng | 6 | 199,575,989,056 | 194,872,629,827 |
| 132 2. Trả trước cho người bán | 7 | 23,351,377,528 | 6,071,660,749 |
| 135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | 60,773,000,000 | 60,773,000,000 |
| 136 4. Các khoản phải thu khác | | 1,770,549,590 | 5,507,190,847 |
| 137 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 6 | (22,530,089,757) | (19,334,660,913) |
| 140 IV. Hàng tồn kho | 8 | 427,392,870,728 | 403,265,408,821 |
| 141 1. Hàng tồn kho | | 432,719,002,563 | 407,498,534,820 |
| 149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (5,326,131,835) | (4,233,125,999) |
| 150 V. Tài sản ngắn hạn khác | | 13,198,721,731 | 3,325,622,615 |
| 151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 7,513,010,914 | 3,175,622,615 |
| 152 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 5,535,710,817 | 0 |
| 153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 150,000,000 | 150,000,000 |

| | | | | | |
|------------|-------------|--|----------|--------------------------|--------------------------|
| 200 | B. | TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) | | 348,198,673,487 | 319,642,386,144 |
| 210 | I. | Các khoản phải thu dài hạn | | 2,216,240,409 | 1,647,711,335 |
| 216 | | 1. Phải thu dài hạn khác | | 3,491,567,205 | 2,923,038,131 |
| 219 | | 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | (1,275,326,796) | (1,275,326,796) |
| 220 | II. | Tài sản cố định | | 288,664,467,180 | 284,499,556,656 |
| 221 | | 1. Tài sản cố định hữu hình | 9 | 278,986,815,634 | 273,544,002,316 |
| 222 | | - Nguyên giá | | 523,883,162,842 | 503,145,837,568 |
| 223 | | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (244,896,347,208) | (229,601,835,252) |
| 224 | | 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 10 | 77,597,122 | 83,274,958 |
| 225 | | - Nguyên giá | | 113,556,756 | 113,556,756 |
| 226 | | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (35,959,634) | (30,281,798) |
| 227 | | 3. Tài sản cố định vô hình | 11 | 9,600,054,424 | 10,872,279,382 |
| 228 | | - Nguyên giá | | 39,451,177,876 | 39,451,177,876 |
| 229 | | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (29,851,123,452) | (28,578,898,494) |
| 250 | II. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 5 | 36,938,590,000 | 14,228,590,000 |
| 251 | | 1. Đầu tư vào công ty con | | 22,710,000,000 | 10,444,000,000 |
| 252 | | 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | 11,590,390,000 | 11,590,390,000 |
| 253 | | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 2,638,200,000 | 2,638,200,000 |
| 254 | | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | - | (10,444,000,000) |
| 260 | III. | Tài sản dài hạn khác | | 20,379,375,898 | 19,266,528,153 |
| 261 | | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 13 | 16,054,346,881 | 15,147,738,448 |
| 262 | | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | 4,325,029,017 | 4,118,789,705 |
| 270 | | TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | | 1,174,930,311,702 | 1,125,809,378,429 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | | 226,007,617,341 | 152,112,879,139 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 177,908,058,319 | 105,326,422,293 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 39,314,597,700 | 43,768,285,152 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 16,704,688,628 | 5,647,479,131 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 11,546,606,513 | 26,692,548,103 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 11,542,859,120 | 11,285,501,070 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 11,322,028,134 | 2,546,128,909 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 1,484,993,438 | 986,317,392 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 12 | 85,992,284,786 | 14,400,162,536 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 48,099,559,022 | 46,786,456,846 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | | 3,639,487,782 | 3,849,537,782 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 12 | 43,694,956,368 | 41,405,772,228 |
| 343 | 3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 18 | 765,114,872 | 1,531,146,836 |
| 400 | B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410) | | 948,922,694,361 | 973,696,499,290 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 19 | 948,922,694,361 | 973,696,499,290 |
| 411 | I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần] | | 419,797,730,000 | 419,797,730,000 |
| 411a | -Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 419,797,730,000 | 419,797,730,000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 203,072,724,247 | 203,072,724,247 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | - | - |
| 420 | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 14,519,415,863 | 12,055,386,440 |
| 421 | 5. [Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế] | | 311,532,824,251 | 338,770,658,603 |
| 421a | -Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 292,369,758,037 | 241,739,314,617 |
| 421b | -Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 19,163,066,214 | 97,031,343,986 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | | 1,174,930,311,702 | 1,125,809,378,429 |

Nguyen Bao Ngoc

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Yu Sung Dae

Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám
đốc phụ trách Tài
chính



Lee Jae Eun
Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MÃ SỐ B 02-DN

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý 2/2017 | 6 tháng /2017 | Quý 2/2016 | 6 tháng / 2016 |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng | 20 | 223,230,452,406 | 373,419,418,561 | 226,462,479,820 | 377,208,492,721 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | 48,671,454 | 45,553,373 | 103,320,306 | 152,555,911 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02) | 20 | 223,181,780,952 | 373,373,865,188 | 226,359,159,514 | 377,055,936,810 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 21 | 153,579,944,409 | 254,252,663,078 | 147,577,463,524 | 247,842,297,351 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11) | | 69,601,836,543 | 119,121,202,110 | 78,781,695,990 | 129,213,639,459 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 22 | 2,417,945,640 | 6,920,059,108 | (678,671,894) | 7,309,033,075 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 23 | 2,883,290,416 | 4,072,675,015 | 157,538,940 | 3,214,373,502 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 1,040,010,506 | 1,750,200,890 | 1,187,768,647 | 2,553,750,721 |
| 24 | 8. Chi phí bán hàng | 24 | 26,717,229,993 | 47,098,075,043 | 16,636,097,365 | 33,242,675,083 |
| 25 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 24 | 27,129,198,798 | 49,739,951,276 | 26,693,856,748 | 46,063,721,919 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-2: 24-25) | | 15,290,062,976 | 25,130,559,884 | 34,615,621,043 | 54,001,902,030 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 25 | 206,169,554 | 386,784,916 | (159,231,102) | 342,372,576 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 26 | 61,772,605 | 61,819,137 | 247,514,437 | 1,592,602,853 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | | 144,396,949 | 324,965,779 | (406,745,539) | (1,250,230,277) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | | 15,434,459,925 | 25,455,525,663 | 34,208,875,504 | 52,751,671,753 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 28 | 4,494,485,613 | 6,498,698,761 | 7,135,528,753 | 10,844,088,003 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 28 | (206,239,312) | (206,239,312) | - | - |
| 60 | 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | | 11,146,213,624 | 19,163,066,214 | 27,073,346,751 | 41,907,583,750 |

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA
Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



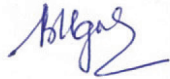
Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài
chính



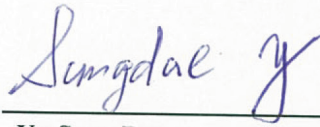
Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng /2017 | 6 tháng/ 2016 |
|--|---|-------------|------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 25,455,525,663 | 52,751,671,753 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | | 16,572,414,750 | 15,739,042,686 |
| 03 | Các khoản dự phòng | | 4,288,434,680 | 4,217,230,998 |
| 04 | (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | | (186,540,759) | (1,209,675,544) |
| 05 | (Lãi) từ hoạt động đầu tư | | (5,321,650,879) | (5,007,479,815) |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 1,687,575,383 | 2,553,750,721 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu | | 42,495,758,838 | 69,044,540,799 |
| 09 | Thay đổi các khoản phải thu | | (22,465,122,607) | (32,282,268,465) |
| 10 | Thay đổi hàng tồn kho | | (25,220,467,743) | (51,792,048,737) |
| 11 | Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | 9,119,630,905 | 27,600,625,827 |
| 12 | Thay đổi chi phí trả trước | | (5,243,996,732) | 33,113,272 |
| 13 | Tiền lãi vay đã trả | | (1,750,200,890) | (2,667,445,785) |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 17 | (22,616,740,926) | (31,578,459,283) |
| 16 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (2,782,743,854) | (3,700,895,510) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (28,463,883,009) | (25,342,837,882) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang | | (13,063,588,396) | (28,932,077,875) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | | - | 501,016,182 |
| 23 | 2. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn | | - | (104,248,500,000) |
| 24 | 3. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn | | 64,640,000,000 | 165,075,500,000 |
| 25 | 4. Tiền chi góp vốn cho các đơn vị khác | | (22,710,000,000) | - |
| 26 | 5. Tiền thu hồi từ đơn vị khác | | 22,743 | - |
| 27 | 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 3,827,378,574 | 6,239,307,158 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 32,693,812,921 | 38,635,245,465 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 32 | 1. Tiền thu lại cổ phiếu đã phát hành | | - | 22,564,158,603 |
| 33 | 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 80,120,967,476 | 106,615,895,395 |
| 34 | 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (6,471,333,436) | (74,217,346,008) |
| 35 | 4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | (17,348,021) | (13,949,878) |
| 36 | 4. Cổ tức đã trả cho cổ đông | | (41,920,159,254) | (55,897,223,350) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 31,712,126,765 | (948,465,238) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 35,942,056,677 | 12,343,942,345 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 4 | 78,546,140,339 | 44,404,107,275 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 211,022,323 | 15,403,214 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 | 114,699,219,339 | 56,763,452,834 |



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc phụ
trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Everpia (trước đây là Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dung nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, tư vấn chuyển giao công nghệ, thiết kế nội thất và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Cụm Dân cư Nội Thương, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.301 người (tại 31 tháng 12 năm 2016 là 1.317 người).

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác.

Thực hiện quyền nhập khẩu và quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ, lập cơ sở bán lẻ thứ nhất và nhượng quyền thương mại) các loại máy móc, nguyên vật liệu và các sản phẩm trong ngành sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, ni, chăn ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Thực hiện quyền xuất khẩu các sản phẩm vải không dệt, vải lọc, ni, chăn ga trải giường, gối, đệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vải không dệt, vải lọc, ni, chăn ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cụ thể là thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) hàng hóa là đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh và đồ văn phòng có mã HS 3924, 7013, 4419, 7323, 6911, 6912, 6913, 9403, 9401

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cụ thể là thực hiện quyền xuất khẩu hàng hóa là đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh và đồ văn phòng có mã HS 3924, 7013, 4419, 7323, 6911, 6912, 6913, 9403, 9401

Sản xuất khăn và vải dùng may mặc, vải dệt thoi và hàng dệt may khác chưa phân vào đâu

Kinh doanh bất động sản dưới hình thức: Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm thực hiện dự án quy định tại khoản 3 điều này

Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Hoạt động trang trí nội thất

| Cấu trúc doanh nghiệp Công ty có các đơn vị trực thuộc | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|------------------------------|--|
| Chi nhánh tại Hưng Yên | Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên | Sản xuất kinh doanh chăn ga gối đệm... |
| Chi nhánh tại TP Hồ chí Minh | Thành phố Hồ chí Minh | Kinh doanh chăn ga . |
| Chi nhánh tại Đồng Nai | Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai | Sản xuất kinh doanh chăn ga gối đệm... |
| Chi nhánh tại Đà Nẵng | Thành phố Đà Nẵng | Kinh doanh chăn ga, |
| Chi nhánh tại Hòa Bình | Lương Sơn, Hòa Bình | Trung bày sản phẩm |
| Địa điểm kinh doanh – Cơ sở bán lẻ | Tầng 1, TTTM Garden, Hà nội | Bán lẻ hàng hóa |

Danh sách công ty con và công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con và công ty liên kết tại ngày 30/06/2017 như sau:

Công ty TNHH Everpia Cambodia: công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 554/BKHDT. Hoạt động chính của công ty là kinh doanh chăn ga, gối, nệm, tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất chăn ga, thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quyết định của quy định pháp luật. Công ty nắm 100% vốn cổ phần của công ty con này. Tại ngày 30/6/2017, công ty con này đã được chuyển nhượng cho đối tác khác

Công ty Cổ phần Texpia: công ty liên kết với Công ty CP Everpia, với số vốn góp vào công ty Texpia của công ty CP Everpia sẽ chiếm 44% cổ phần công ty. Công ty Texpia là công ty chuyên về sản xuất và gia công các loại khăn và vải dệt khăn. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Everpia đã góp 11,590,390,000 đồng.

Công ty Cổ phần Everpia Korea: Công ty con này là mộ công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 01/08/2016. Vốn pháp định của công ty là 1.500.000 USD. Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Kinh doanh, Tư vấn và chuyển giao công nghệ. Thực hiện quyền nhập khẩu xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn quốc, thực hiện quyền nhập khẩu xuất khẩu của sản phẩm bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh đồ dùng văn phòng, đồ trang trí nội thất, đồ dùng gia đình và đồ dùng có mục đích tương tự, đồ nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác. Tại ngày lập báo cáo, công ty nắm giữ công ty đã chuyển 1.000.000 USD sang đầu tư cho công ty con.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm theo dương lịch của Công ty bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm

Quý 02 tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 06 hàng năm.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- ▶ Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014

Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Việt nam đồng

Việc áp dụng tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính tuân thủ theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp theo Bộ tài chính ban hành và có hiệu lực trong năm tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu Kỳ phiếu, tín phiếu, kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”

Có thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh thì phân loại là tài sản ngắn hạn

Có thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh thì phân loại là tài sản dài hạn

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo hoạt động kinh doanh trong năm

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng vào nguyên giá, chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | 2017 (số năm) |
|----------------------------|--------------------------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 25 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 06 - 15 |
| Thiết bị văn phòng | 06 - 08 |
| Phương tiện vận tải | 09 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 04 - 10 |

Tài sản cố định thuê tài chính

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu trong hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài chính, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị thương hiệu, kênh phân phối, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản được đưa vào nguyên giá của tài sản, các chi phí liên quan đến bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi thanh lý tài sản, các khoản lỗ lãi phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản vô hình theo giá mua trên các hợp đồng có liên quan. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

| | 2017 (số năm) |
|----------------------|--------------------------------|
| Thương hiệu | 20 |
| Kênh phân phối | 15 |
| Phần mềm máy tính | 04 |
| Tài sản vô hình khác | 04 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê trả trước tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại theo giấy chứng nhận đầu tư của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, công ty được coi là ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị đầu tư

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư vốn góp vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm kế hoạch được hướng dẫn theo thông tư 228/2009 và thông tư số 89/2013. Tăng giảm số dư khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết trong kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và loại nguyên tệ phải trả và tuân theo nguyên tắc:

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập của người mua, gồm các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ, các khoản phải trả liên quan đến chi trả tài chính như các khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, các chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả, các khoản phải trả do bên thứ 3 chi hộ, các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, các khoản phải trả về BHXH, BHYT, KPCD ...

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính

Hạch toán chi tiết và theo dõi theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm khoản doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng trả tiền mua cho số lượng sản phẩm của công ty trong một thời gian quy định

Trợ cấp nghỉ việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trợ cấp thôi việc phải trả này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo điều 42 của Bộ luật Lao động

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng

mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu
Thặng dư cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị phát hành thực tế và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hay tái phát hành cổ phiếu quỹ
Cổ phiếu quỹ là vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại “cổ phiếu quỹ” được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lỗ/lãi khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo điều lệ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Quỹ này được trích lập để sử dụng cho mục đích khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tài chính bao gồm

Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức: Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý cả khoản góp vốn kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư khác.

Lãi tỷ giá hối đoái, bao gồm cả lãi bán ngoại tệ

Giá vốn hàng bán

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành và có hiệu lực trong năm tài chính

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận bao gồm chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay, chi phí góp vốn... Các hoạt động này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ và không bù trừ với doanh thu tài chính

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế bao gồm các chi phí liên quan đến lương của bộ phận bán hàng, kinh doanh, các chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, dịch vụ

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí liên quan đến lương của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các chi phí có liên quan như BHXH, BHYT... và các chi phí có liên quan đến hoạt động của công ty

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 413,939,871 | 544,074,599 |
| Tiền gửi ngân hàng | 30,942,279,468 | 47,502,065,740 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 83,343,000,000 | 30,500,000,000 |
| | <u>114,699,219,339</u> | <u>78,546,140,339</u> |

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn tại bất kỳ thời điểm nào.

| | <u>2,017</u> | <u>2016</u> |
|---|-----------------|-------------------|
| Số tiền vay thực thu trong năm | | |
| Số tiền thu từ vay theo kế ước thông thường | 80,120,967,476 | 228,847,549,636 |
| Số tiền đã trả | | |
| Số tiền trả theo kế ước | (6,471,333,436) | (186,028,953,566) |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | (17,348,021) | (20,666,552) |

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn | 8,500,000,000 | 73,140,000,000 |
| | <u>8,500,000,000</u> | <u>73,140,000,000</u> |

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Everpia Campuchia * | | 10,444,000,000 |
| Công ty Cổ phần Everpia Korea ** | 22,710,000,000 | |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (10,444,000,000) |
| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
| | VND | VND |
| Công ty CP Texpia *** | 11,590,390,000 | 11,590,390,000 |

(*) Đầu tư vào công ty TNHH Everpia Cambodia với 100% vốn đầu tư của Everpia. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, công ty con này đã được chuyển nhượng.

(**) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Everpia Korean được thành lập với vốn đầu tư là 1.500.000 USD và thuộc sở hữu 100% của Công ty. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, công ty đã chuyển 1.000.000 USD làm vốn đầu tư của công ty con. Số vốn còn lại công ty sẽ tiếp tục đầu tư theo đúng lộ trình đề ra.

(***) Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty CP Texpia với số vốn đầu tư của công ty CP Everpia là 44%. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty đã góp vốn vào công ty liên kết này là 11.590.390.000 đồng.

ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 2,638,200,000 | 2,638,200,000 |
| | <u>2,638,200,000</u> | <u>2,638,200,000</u> |

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu và giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | <u>30/6/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn từ khách hàng | 197,521,407,813 | 178,976,808,744 |
| Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại | 4,542,246,870 | 8,660,898,816 |
| Phú Trường Giang | | |
| CÔNG TY CỔ PHẦN WELCRON | 7,388,524,536 | 7,921,768,085 |
| GLOBAL VIỆT NAM | | |
| RSCO CO., LTD | 3,831,091,485 | 5,186,214,570 |
| AT- PHO HUE -278 | 1,064,189,233 | 4,904,525,592 |
| GLOBAL GARMENT SOURCING | | |
| CO..LTD | 8,672,006,090 | 4,896,229,069 |
| PAN-PACIFIC CO.,LTD | 15,929,490,736 | |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 156,093,858,863 | 147,407,172,612 |
| Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan | 2,054,581,243 | 15,895,821,083 |
| | <u>199,575,989,056</u> | <u>194,872,629,827</u> |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (22,530,089,757) | (19,334,660,913) |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | <u>30/6/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Hanco Vina | 1,460,770,800 | |
| Lili Textile | 9,210,031,174 | |
| CTy TNHH JM Điện Cơ Và XD VN | 696,080,000 | 696,080,000 |
| EP international | | |
| Trả trước cho các đối tượng khác | 11,984,495,554 | 5,375,580,749 |
| | <u>23,351,377,528</u> | <u>6,071,660,749</u> |

8. HÀNG TỒN KHO

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Hàng mua đang đi đường | 1,589,878,135 | 13,809,435,426 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 234,988,990,945 | 207,214,057,934 |
| Công cụ, dụng cụ | - | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 9,756,088 | 22,295,952 |
| Thành phẩm | 186,059,780,788 | 177,464,690,002 |
| Hàng hoá | 9,452,233,894 | 8,988,055,506 |
| Hàng gửi đi bán | 618,362,713 | - |
| | <u>432,719,002,563</u> | <u>407,498,534,820</u> |
| Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho nguyên vật liệu | (689,794,567) | (688,261,204) |
| Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho thành phẩm | (4,636,337,269) | (3,544,864,795) |
| | (5,326,131,835) | (4,233,125,999) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận tải VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 181,222,385,425 | 256,851,828,321 | 19,645,957,115 | 26,362,652,206 | 19,063,014,501 | 503,145,837,568 |
| Tăng trong kỳ | 10,477,418,577 | 6,815,922,013 | 674,518,273 | 2,409,901,727 | 359,564,684 | 20,737,325,274 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 191,699,804,002 | 263,667,750,334 | 20,320,475,388 | 28,772,553,933 | 19,422,579,185 | 523,883,162,842 |
| Trong đó | | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 444,434,009 | 88,336,360,415 | 6,892,654,690 | 883,644,973 | 3,727,011,981 | 100,284,106,068 |
| Tài sản sử dụng để thế chấp | 15,174,006,236 | 47,108,852,028 | | 5,670,290,909 | | 67,953,149,173 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 44,985,660,990 | 149,631,773,334 | 10,818,330,948 | 13,278,452,929 | 10,887,617,051 | 229,601,835,252 |
| Trích vào chi phí trong kỳ | 3,500,939,550 | 8,802,722,198 | 470,421,079 | 1,867,089,654 | 883,339,338 | 15,524,511,819 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 48,486,600,540 | 158,434,495,532 | 11,288,752,027 | 14,915,542,720 | 11,770,956,389 | 244,896,347,208 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 30/06/2017 | 143,213,203,462 | 105,233,254,802 | 9,031,723,361 | 13,857,011,213 | 7,651,622,796 | 278,986,815,634 |
| Tại ngày 01/01/2016 | 136,236,724,435 | 107,220,054,987 | 8,827,626,167 | 13,084,199,277 | 8,175,397,450 | 273,544,002,316 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

| | Máy photocopy | Tổng cộng |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 113,556,756 | 113,556,756 |
| - Mua trong năm | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - |
| - Giảm khác | - | - |
| Tại ngày 30/06/2017 | 113,556,756 | 113,556,756 |
| Giá trị hao mòn | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 30,281,798 | 30,281,798 |
| - Khấu hao trong năm | 5,677,836 | 5,677,836 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - |
| - Giảm khác | - | - |
| Tại ngày 30/06/2017 | 35,959,634 | 35,959,634 |
| | - | - |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 83,274,958 | 83,274,958 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 77,597,122 | 77,597,122 |

- Đây là khoản nợ thuê máy photo theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 03 năm 2014 giữa công ty và Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn là 48 tháng và lãi suất là 1.83%/tháng

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Thương hiệu VND | Kênh phân phối VND | Phần mềm máy tính VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 23,494,500,000 | 7,831,500,000 | 7,438,284,189 | 686,893,687 | 39,451,177,876 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 30/06/2017 | 23,494,500,000 | 7,831,500,000 | 7,438,284,189 | 686,893,687 | 39,451,177,876 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 16,137,011,848 | 7,315,137,120 | 4,439,855,839 | 686,893,687 | 28,578,898,494 |
| Trích vào chi phí trong n | 613,124,013 | 258,181,318 | 400,919,628 | - | 1,272,224,958 |
| Tại ngày 30/06/2017 | 16,750,135,861 | 7,573,318,438 | 4,840,775,467 | 686,893,687 | 29,851,123,452 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 30/06/2017 | 6,744,364,140 | 258,181,563 | 2,597,508,722 | - | 9,600,054,424 |
| Tại ngày 01/01/2017 | 7,357,488,152 | 516,362,880 | 2,998,428,350 | - | 10,872,279,382 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn | 30/06/2017 | | Trong kỳ | | 01/01/2017 | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | VND Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngân hàng | 78,180,178,738 | 78,180,178,738 | 78,180,178,738 | - | 25,057,953 | 25,057,953 |
| Nợ thuế tài chính đến hạn trả | 7,709,932 | 7,709,932 | 17,348,021 | | 14,375,104,583 | 14,375,104,583 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 7,804,396,116 | 7,804,396,116 | 6,570,708,467 | | 14,400,162,536 | 14,400,162,536 |
| | 85,992,284,786 | 85,992,284,786 | 78,180,178,738 | 6,588,056,488 | | |
| Vay và nợ thuế tài chính dài hạn | 30/06/2017 | | Trong kỳ | | 01/01/2017 | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn | 43,660,207,537 | 43,660,207,537 | 8,760,517,576 | 6,471,333,436 | 41,371,023,397 | 41,371,023,397 |
| Công ty thuế tài chính quốc tế | 34,748,831 | 34,748,831 | 0 | - | 34,748,831 | 34,748,831 |
| | 43,694,956,368 | 43,694,956,368 | 8,760,517,576 | 6,471,333,436 | 41,405,772,228 | 41,405,772,228 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng

| Ngân hàng | Số dư gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 | | Kỳ hạn trả gốc | Lãi suất/năm | Hình thức đảm bảo |
|--|---|---------------|---|-----------------|---|
| | VND | Nguyên tệ USD | | | |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam | 31,627,254,657 | 1,290,293 | 4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020 | Từ 3.847% | Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam | 19,837,348,996 | | 5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020 | Từ 6.83% đến 7% | Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa |
| Ngân hàng Woori Bank | 31,583,211,991 | 1,393,949 | Vay ngắn hạn 06 tháng | 2.630% | Đảm bảo bởi thư bảo lãnh của Mr Lee Jae Eun |
| ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam | 41,057,478,606 | 1,795,018.98 | Vay ngắn hạn 6 tháng | 2.500% | Không cần tài sản đảm bảo |
| ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam | 5,539,488,141 | | Vay ngắn hạn 6 tháng | 5.50% | Không cần tài sản đảm bảo |
| | <u>129,644,782,391</u> | | | | |

- Nợ thuế tài chính: Công ty hiện nay đang thuê máy photo theo hợp đồng số B140301607 ngày 24/03/2014 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính quốc tế Chaillease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1.83%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | <u>30/06/2017</u> VND | <u>01/01/2017</u> VND |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền thuê Showroom Keangnam | 7,213,193,750 | 7,380,175,025 |
| Tiền sử dụng đất chi nhánh Hòa bình | 5,079,166,667 | 5,429,545,455 |
| Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất | 956,234,052 | 1,242,478,256 |
| Thiết bị quản lý văn phòng | 32,892,047 | 453,097,232 |
| Khác | 2,772,860,365 | 642,442,480 |
| | <u>16,054,346,881</u> | <u>15,147,738,448</u> |

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <u>30/06/2017</u> VND | <u>01/01/2017</u> VND |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 4,473,487,689 | 2,929,914,166 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 573,239,843 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6,318,656,619 | 22,436,698,823 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 754,462,205 | 701,860,582 |
| Các loại thuế khác | - | 50,834,689 |
| | <u>11,546,606,513</u> | <u>26,692,548,103</u> |

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | <u>30/06/2017</u> | | <u>01/01/2017</u> | |
|------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| EP international | | | 10,648,692,462 | 10,648,692,462 |
| SL Company | 3,488,343,752 | 3,488,343,752 | | |
| Line textile | 1,417,623,352 | 1,417,623,352 | | |
| JEIL parnel Vina | 856,481,202 | 856,481,202 | | |
| Đối tượng khác | 33,552,149,394 | 33,552,149,394 | 33,119,592,690 | 33,119,592,690 |
| | <u>39,314,597,700</u> | <u>39,314,597,700</u> | <u>43,768,285,152</u> | <u>43,768,285,152</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ KHÁC

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|-------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Phát hành Coupon | 561,363,636 | 588,840,909 |
| Kinh phí công đoàn | 336,601,309 | 4,908,000 |
| Bảo hiểm xã hội | 1,475,856 | 84,545,734 |
| Phải trả- phải nộp khác | 585,552,637 | 308,022,749 |
| | <u>1,484,993,438</u> | <u>986,317,392</u> |

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chắn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác... Theo đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được coi là cùng lĩnh vực kinh doanh và là một bộ phận lập báo cáo tài chính

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|---------------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1,531,146,836 | 2,683,121,285 |
| Tăng trong năm | | |
| Giảm trong năm (Sử dụng) | 766,031,964 | 1,151,974,449 |
| | <u>765,114,872</u> | <u>1,531,146,836</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ | | Thặng dư vốn cổ phần | | Cổ phiếu quỹ | | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | Tổng cộng | |
|---|------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------|-----|-----------------------------------|-----|-----------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư tại ngày 01/01/2016 | 279,865,180,000 | 191,000,000,000 | (10,491,434,356) | 9,949,623,119 | 443,246,062,044 | 913,569,430,807 | | | | | | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 97,031,343,986 | 97,031,343,986 | | | | | | |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối | - | - | - | 5,677,153,321 | (5,677,153,321) | - | | | | | | |
| Tăng khác (i) | 139,932,550,000 | - | - | - | - | - | | | | | | 139,932,550,000 |
| Có tức đã chia | - | - | - | - | - | - | | | | | | |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | 12,072,724,247 | 10,491,434,356 | - | (195,829,594,106) | (195,829,594,106) | | | | | | |
| Giảm khác | - | - | - | (3,571,390,000) | - | 22,564,158,603 | | | | | | (3,571,390,000) |
| Số dư tại ngày 01/01/2017 | 419,797,730,000 | 203,072,724,247 | - | 12,055,386,440 | 338,770,658,603 | 973,696,499,290 | | | | | | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 19,163,066,214 | 19,163,066,214 | | | | | | |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối (i) | - | - | - | 4,480,741,313 | (4,480,741,313) | 0 | | | | | | |
| Có tức đã chia (ii) | - | - | - | - | (41,920,159,254) | (41,920,159,254) | | | | | | |
| Giảm khác (iii) | - | - | - | (2,016,711,890) | - | (2,016,711,890) | | | | | | |
| Số dư tại ngày 30/06/2017 | 419,797,730,000 | 203,072,724,247 | - | 14,519,415,863 | 311,532,824,251 | 948,922,694,361 | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 05 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 419.797.730.000 VND, tương ứng với 41.979.773 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, vốn điều lệ đã được góp đủ bởi các cổ đông của Công ty như sau:

| Cổ đông | Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh | | | Vốn thực góp tại ngày 30/06/2017 | |
|--------------------------------------|--|-------------------|------------------------|----------------------------------|------------------------|
| | % | Số cổ phiếu | Số tiền VND | % | Số tiền VND |
| Ông Lee Jae Eun | 15.98% | 6,706,800 | 67,068,000,000 | 15.98% | 67,068,000,000 |
| NH Investment & Securities Co., Ltd. | | | | 7.59% | 31,880,250,000 |
| Other shareholders | 84.02% | 35,272,973 | 352,729,730,000 | 76.43% | 320,849,480,000 |
| | 100% | 41,979,773 | 419,797,730,000 | 100% | 419,797,730,000 |

Cổ phiếu

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 41,979,773 | 41,979,773 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 41,979,773 | 41,979,773 |
| Cổ phiếu phổ thông | 41,979,773 | 41,979,773 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Cổ phiếu đang lưu hành | 41,979,773 | 41,979,773 |
| Cổ phiếu phổ thông | 41,979,773 | 41,979,773 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|
| Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 14,519,415,863 | 12,055,386,440 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

| | <u>Quý 2/2017</u> VND | <u>Quý 2/2016</u> VND |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm | 120,601,997,497 | 95,301,379,052 |
| Doanh thu thành phẩm bông | 102,288,258,031 | 131,015,276,276 |
| Doanh thu bán phế liệu | 340,196,878 | 145,824,492 |
| | <u>223,230,452,406</u> | <u>226,462,479,820</u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 48,671,454 | 103,320,306 |
| <i>Hàng bán bị trả lại</i> | | <i>103,320,306</i> |
| Chiết khấu thương mại | <u>48,671,454</u> | |
| Doanh thu thuần về bán hàng | <u>223,181,780,952</u> | <u>226,359,159,514</u> |

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | <u>Quý 2/2017</u> VND | <u>Quý 2/2016</u> VND |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm | 103,054,400,102 | 82,008,970,171 |
| Giá vốn thành phẩm bông | 50,525,544,307 | 65,568,493,353 |
| | <u>153,579,944,409</u> | <u>147,577,463,524</u> |

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <u>Quý 2/2017</u> VND | <u>Quý 2/2016</u> VND |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi | 2,523,647,568 | 1,768,140,156 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | (105,701,928) | (2,446,812,050) |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | - |
| | <u>2,417,945,640</u> | <u>(678,671,894)</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <u>Quý 2/2017</u> | <u>Quý 2/2016</u> |
|------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 1,040,010,506 | 1,187,768,647 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 1,839,267,172 | (1,030,229,707) |
| Chi phí tài chính khác | 4,012,738 | - |
| | <u>2,883,290,416</u> | <u>157,538,940</u> |

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ | <u>Quý 2/2017</u> | <u>Quý 2/2016</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân công | 9,134,493,780 | 8,073,364,521 |
| - Chi phí nguyên vật liệu | 1,128,385,261 | 626,596,164 |
| - Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 669,184,456 | 643,455,255 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6,710,462,466 | 6,423,840,699 |
| - Chi phí khác | 9,074,704,030 | 868,840,726 |
| | <u>26,717,229,993</u> | <u>16,636,097,365</u> |

Các khoản chi phí quản lý phát
sinh trong kỳ

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân công | 15,625,291,166 | 14,578,173,372 |
| - Chi phí nguyên vật liệu | 517,100,610 | 780,437,959 |
| - Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 2,417,098,798 | 1,599,755,753 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3,339,705,531 | 5,127,559,349 |
| - Chi phí khác | 5,230,002,693 | 4,607,930,315 |
| | <u>27,129,198,798</u> | <u>26,693,856,748</u> |

25. THU NHẬP KHÁC

| | <u>Quý 2/2017</u> | <u>Quý 2/2016</u> |
|--------------------------|--------------------|------------------------|
| Thanh lý nhượng bán TSCD | | |
| Thu nhập khác | 206,169,554 | (159,231,102) |
| | <u>206,169,554</u> | <u>- (159,231,102)</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ KHÁC

| | <u>Quý 2/2017</u> | <u>Quý 2/2016</u> |
|--------------------------|-------------------|--------------------|
| Thanh lý nhượng bán TSCD | | (32,661,995) |
| Chi phí khác | 61,772,605 | 280,176,432 |
| | <u>61,772,605</u> | <u>247,514,437</u> |

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

| | <u>6 tháng /2017</u> | <u>6 tháng/ 2016</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 208,901,313,860 | 218,134,208,973 |
| Chi phí nhân công | 91,944,695,580 | 84,016,049,310 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 16,572,414,750 | 15,739,042,686 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 28,804,284,537 | 24,078,722,567 |
| Chi phí khác bằng tiền | 14,068,894,305 | 5,805,930,441 |
| | <u>360,291,603,032</u> | <u>347,773,953,977</u> |

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | <u>6 tháng /2017</u> | <u>6 tháng/ 2016</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 25,455,525,663 | 52,751,671,753 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 7,037,968,143 | 1,468,768,263 |
| Trừ: Lợi nhuận được miễn, giảm thuế | 825,924,797 | 1,158,241,027 |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | <u>7,863,892,940</u> | <u>2,627,009,290</u> |
| Thu nhập chịu thuế | 32,493,493,806 | 54,220,440,016 |
| <i>Thu nhập chịu thuế của các hoạt động chịu thuế suất thông thường 20%</i> | 32,493,493,806 | 54,220,440,016 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6,498,698,761 | 10,844,088,003 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | - | - |
| Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | <u>6,498,698,761</u> | <u>10,844,088,003</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

| | Số tiền | 2017 | |
|---|-----------------|---------|----------------------|
| | | Số tiền | Số thuế |
| Thuế thu nhập hoãn lại | | | |
| Doanh thu chưa thực hiện | 27,477,273 | | 5,495,455 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (1,093,005,834) | | (218,601,167) |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (3,475,458,997) | | (695,091,799) |
| Các khoản giảm trừ doanh thu chưa phát hành hóa đơn | 4,274,692,322 | | 854,938,464 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước | (1,367,226,122) | | (273,445,224) |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay | 602,324,797 | | 120,464,959 |
| Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại | | | (206,239,312) |

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Điều kiện và điều khoản giao dịch với các bên có liên quan.

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường

Số dư các khoản phải trả, phải thu không cần đảm bảo và không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Đến thời điểm này, công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng đối với công nợ phải thu phải trả khó đòi nào có liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện vào cuối năm tài chính

Đơn vị tính: VND

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Giao dịch | 6 tháng năm 2017 | năm 2016 |
|--------------------------------|------------------|--------------------|------------------|----------------|
| Công ty TNHH Everpia Campuchia | Công ty con | Bán hàng hóa | 1,556,298,821 | 5,499,212,608 |
| Công ty CP Everpia Korea | Công ty con | Dịch vụ | 5,125,000,000.0 | |
| Công ty CP Texpia | Công ty liên kết | Cho vay | | 16,040,000,000 |
| | | Thu tiền cho vay | | 3,640,000,000 |
| | | Lãi cho vay | 1,833,318,836 | 4,157,661,832 |
| | | Doanh thu gia công | 968,351,815 | 2,851,649,941 |
| | | Thanh lý tài sản | - | 400,000,000 |
| | | Dịch vụ | 619,978,958 | 880,000,000 |
| | | Khác | | 2,706,060 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số dư cuối quý của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

| Phải thu | Mối quan hệ | Giao dịch | Phải thu/(Phải trả) | |
|-------------------------------------|------------------|-------------|---------------------|----------------|
| | | | 30/06/2017 | 31/12/2016 |
| Công ty CP Texpia | Công ty liên kết | Gia công | 664,602,285 | 1,206,407,784 |
| Công ty CP Texpia | Công ty liên kết | Lãi cho vay | 3,383,030,336 | 1,549,711,500 |
| | | Khác | 1,389,978,958 | 730,000,000 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | | | | |
| Công ty CP Texpia | Công ty liên kết | Cho vay | 60,773,000,000 | 60,773,000,000 |
| Phải trả khác | | | | |
| Công ty CP Everpia Koean | Công ty con | Dịch vụ | 5,125,000,000 | |

(*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Texpia vay theo các hợp đồng được ký kết từ năm 2016 trở về trước. Các khoản cho vay này có thời hạn 4 tháng, hưởng lãi suất từ 5%-6%/năm.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

| | 6 tháng năm 2017 | 6 tháng năm 2016 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lương gộp và các quyền lợi khác | 7,829,213,001 | 7,595,743,428 |
| | 7,829,213,001 | 7,595,743,428 |

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/6/2017 của Công ty Cổ phần Everpia do công ty kiểm toán E&Y thực hiện.

31. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN QUÝ 2/2017

Công ty Cổ phần Everpia xin được giải trình chênh lệch biến động tăng/giảm của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2017 so với quý 2 năm 2016

| Chỉ tiêu | 2017 | 2016 | Chênh lệch (%) |
|---|-----------------|-----------------|----------------|
| Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 2 | 223,181,780,952 | 226,359,159,514 | -1% |
| Lợi nhuận sau thuế quý 2 | 11,146,213,625 | 27,073,346,751 | -59% |
| Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng 6 tháng | 373,373,865,188 | 377,055,936,810 | -1% |
| Lợi nhuận sau thuế 6 tháng | 19,163,066,215 | 41,907,583,750 | -54% |

Doanh thu quý 2 năm 2017 và doanh thu quý 2 năm 2016 giảm 1.4%, tổng doanh thu 6 tháng năm 2017 giảm 1% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do thực hiện nhiều chính sách bán hàng kích cầu tiêu dùng đối với khách hàng như tăng cường các chương trình quảng cáo, đầu tư lại hệ thống bảng biển cho đại lý, tham gia các chương trình bán hàng khuyến mại tại hội chợ hay giảm giá cho đại lý.... Làm cho chi phí bán hàng của công ty 6 tháng năm 2017 tăng 42% khiến lợi nhuận quý 2 của công ty giảm 59% , lợi nhuận 6 tháng giảm 54% so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA

Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

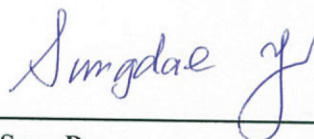
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ TÀI CHÍNH

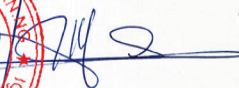
Công ty đang trong giai đoạn thương thảo và chuẩn bị tài liệu để tiến hành phát hành trái phiếu có tài sản đảm bảo, giá trị của đợt phát hành này là 150.000.000 tỷ VNĐ.



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập biểu



Yu Sung Dae
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017
